

**NGH NH**  
**C A CH NH PH S 138/2007/N -CP NG AY 28 TH NG 8 N M 2007**  
**V T CH C V A HO T NG C A QU UT PH T TRI N A**  
**PH NG**

**CH NH PH**

*C n c Lu t T ch c Ch nh ph ng y 25 th ng 12 n m 2001;*

*C n c Lu t T ch c H i ng nh n d n v y ban nh n d n ng y 26 th ng 11 n m 2003;*

*C n c Lu t Ng n s ch nh n c ng y 16 th ng 12 n m 2002;*

*C n c Lu t ut ng y 29 th ng 11 n m 2005;*

*C n c Lu t C c t ch c t n d ng ng y 12 th ng 02 n m 1997 v Lu t s a i, b sung m t s i u Lu t C c t ch c t n d ng ng y 16 th ng 5 n m 2004;*

*X t ngh c a B tr ng B T i ch nh,*

**NGH NH :**

**Ch ng I**  
**QUY NH CHUNG**

**i u 1. Ph m vi i u ch nh**

Ngh nh n y quy nh v t ch c v a ho t ng c a Qu ut ph t tri n a ph ng do t nh, th nh ph tr c thu c Trung ng th nh l p.

**i u 2. Gi i th ch t ng**

Trong Ngh nh n y, c c t ng d i ây c hi u nh sau:

1. "V n ho t ng" l t ng s v n ch s h u v v n huy ng c a Qu ut ph t tri n a ph ng t i m t th i i m.

2. " ut tr c ti p v o c c d n" l vi c Qu ut ph t tri n a ph ng s d ng v n ho t ng c a m nh ut v o c c d n; trong ó, Qu c th tr c ti p qu n lý d n theo quy nh c a ph p lu t v qu n lý ut v x y d ng.

3. "Cho vay h p v n" l vi c Qu ut ph t tri n a ph ng v c c t ch c kh c c ng cho vay v n ut m t d n, trong ó Qu ut ph t tri n a ph ng ho c m t t ch c kh c ng ra l m i ph i h p v th c hi n cho vay.

### **i u 3. a v pháp lý c a Qu u t phát tri n a ph ng**

1. Qu u t phát tri n a ph ng là m t t ch c tài chính Nhà n c c a a ph ng; th c hi n ch c n ng u t tài chính và u t phát tri n. Qu u t phát tri n a ph ng có t cách pháp nhân, có v n i u l , có b ng cân i k toán riêng, có con d u, c m tài kho n t i Kho b c Nhà n c và các ngân hàng th ng m i ho t ng h p pháp t i Vi t Nam.

2. Tên g i c a Qu u t phát tri n a ph ng là: Qu u t phát tri n, ghép v i tên t nh, thành ph tr c thu c Trung ng.

### **i u 4. Ph m vi ho t ng c a Qu u t phát tri n a ph ng**

Qu u t phát tri n a ph ng c th c hi n các ho t ng sau:

1. Huy ng v n trung, dài h n t các t ch c, cá nhân trong và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t;

2. u t , bao g m u t tr c ti p vào các d án; cho vay u t ; góp v n thành l p doanh nghi p ho t ng trong các l nh v c phát tri n k t c u h t ng kinh t - xã h i;

3. y thác cho vay u t , thu h i n ; nh n u thác qu n lý ngu n v n u t , cho vay u t , thu h i n , c p phát v n u t , phát hành trái phi u chính quy n a ph ng huy ng v n cho ngân sách a ph ng theo u quy n c a y ban nhân dân t nh, thành ph tr c thu c Trung ng (sau ây g i t t là y ban nhân dân c p t nh).

### **i u 5. Qu n lý c a Nhà n c i v i Qu u t phát tri n a ph ng**

1. y ban nhân dân c p t nh quy t nh vi c thành l p Qu u t phát tri n a ph ng, quy nh v t ch c b máy, phê duy t i u l ho t ng c a Qu u t phát tri n a ph ng, tr c ti p qu n lý ho t ng và quy t nh các v n khác c a Qu u t phát tri n a ph ng thu c th m quy n quy nh t i Ngh nh này và pháp lu t hi n hành.

2. B Tài chính th c hi n ch c n ng qu n lý nhà n c v tài chính; ban hành i u l m u v t ch c và ho t ng c a Qu u t phát tri n a ph ng; ban hành Quy ch qu n lý tài chính i v i Qu u t phát tri n a ph ng; th c hi n giám sát, ki m tra, thanh tra ho t ng c a Qu u t phát tri n a ph ng.

## **Ch ng II**

### **HO T NG C A QU U T PHÁT TRI N A PH NG**

#### **M c 1**

#### **U T TR C TI P VÀO CÁC D ÁN**

## **i u 6. i t n g u t**

i t n g u t t r c t i p là các d án u t k t c u h t n g thu c các ch n g tr ình, m c tiêu theo chi n l c, k ho ch phát tri n kinh t - xã h i ã c H i n g nhân dân t nh, thành ph t r c thu c Trung n g (sau ây g i t t là H i n g nhân dân c p t nh) thông qua, bao g m:

1. Các d án xây d n g k t c u h t n g k thu t;
2. Các d án xây d n g k t c u h t n g c a khu công nghi p, khu ch x u t, khu kinh t , khu công ngh cao; các d án ph t r bên ngoài hàng rào khu công nghi p, khu ch x u t, khu kinh t và khu công ngh cao;
3. Các d án u t xây d n g nhà và các d án phát tri n khu ô th m i;
4. Các d án b o v và c i t o môi tr n g;
5. Các d án u t t r n g i m khác theo quy t nh c a y ban nhân dân c p t nh.

## **i u 7. i u k i n u t**

1. D án u t ã c quy t nh u t theo quy nh c a pháp lu t.
2. D án u t ph i có hi u qu và có kh n n g thu h i v n t r c t i p.

## **i u 8. Ph n g th c u t**

1. Qu u t phát tri n a ph n g có th th c hi n u t v i t cách là ch u t ho c tham gia góp v n v i các t ch c khác u t và ch u trách nhi m v quy t nh u t c a mình theo phân c p c a y ban nhân dân c p t nh.
2. Qu u t phát tri n a ph n g có th t r c t i p qu n lý d án u t ho c thuê các t ch c chuyên môn qu n lý d án u t theo quy nh c a pháp lu t.

## **i u 9. H ình th c u t**

1. Tu t n g i u k i n c th , Qu u t phát tri n a ph n g l a ch n các hình th c u t sau ây:
  - a) u t theo các hình th c: h p n g xây d n g - kinh doanh - chuy n giao (BOT), h p n g xây d n g - chuy n giao - kinh doanh (BTO), h p n g xây d n g - chuy n giao (BT) theo quy nh c a pháp lu t;
  - b) Tìm ki m d án, th c hi n các công vi c chu n b u t sau ó th c hi n u t , ho c chuy n nh n g l i d án cho ch u t khác th c hi n u t .
2. Vi c u t c a Qu u t phát tri n a ph n g c th c hi n theo các quy nh c a pháp lu t v qu n lý u t và xây d n g.

## **i u 10. Th m quy n quy t nh u t**

1. Mức vốn ưu đãi với mức đầu tư 10% vốn chi sự nghiệp của Quỹ ưu đãi phát triển nông nghiệp do Quỹ ưu đãi phát triển nông nghiệp quy định.

2. Mức vốn ưu đãi với mức đầu tư trên 10% vốn chi sự nghiệp của Quỹ ưu đãi phát triển nông nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

## **M 2 CHO VAY Ứ**

### **11. Ứ cho vay**

Ứ cho vay là các dự án ưu đãi có vốn đầu tư chi sự nghiệp của Quỹ ưu đãi phát triển nông nghiệp, mục tiêu theo chỉ đạo, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, bao gồm:

1. Các dự án: giao thông; công nghiệp; nhà ở, khu dân cư; di chuyển xã hội các cơ sở sản xuất; xử lý rác thải các ô nhiễm;

2. Các dự án quản lý do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

### **12. Ứ ưu đãi cho vay**

Quỹ ưu đãi phát triển nông nghiệp cho vay khi chi ưu đãi bổ sung có các ưu đãi sau đây:

1. Hoàn thành thủ tục ưu đãi theo quy định của pháp luật;

2. Có vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh có lãi và phải nộp thuế thu nhập;

3. Có cam kết mua bảo hiểm với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc lĩnh vực mua bảo hiểm bất động sản công ty bảo hiểm có phép hoạt động tại Việt Nam;

4. Chi ưu đãi là các tổ chức có trách nhiệm hoặc các doanh nghiệp thu nhập từ thành phố kinh tế.

### **13. Thủ tục quy định cho vay ứ**

1. Mức vốn cho vay ưu đãi với mức đầu tư 15% vốn chi sự nghiệp của Quỹ ưu đãi phát triển nông nghiệp do Quỹ ưu đãi phát triển nông nghiệp quy định.

2. Mức vốn cho vay ưu đãi với mức đầu tư trên 15% vốn chi sự nghiệp của Quỹ ưu đãi phát triển nông nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

### **14. Thủ tục cho vay**

Thủ tục cho vay được xác định theo kế hoạch thu hồi vốn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng dự án và kế hoạch trả nợ của chi ưu đãi hàng

t i a là 15 n m. Tr ãng h p c bi t vay trên 15 n m, y ban nhân dân c p t nh quy t ãnh.

### **i u 15. Lãi su t cho vay**

1. Lãi su t cho vay c a Qu u t phát tri n a ph ãng i v i các d án theo nguyên t c không th p h n lãi su t tín đ ãng u t c a Nhà n c.

2. Lãi su t cho vay l i i v i các d án s đ ãng ngu n v n vay ODA th c hi n theo quy ãnh c a Chính ph v qu n lý vay và tr ãn n c ngoài.

### **i u 16. B o m ti n vay**

Tu thu c vào t ãng d án c th , Qu u t phát tri n a ph ãng s đ ãng các bi n pháp b o m ti n vay theo quy ãnh c a pháp lu t.

### **i u 17. Quy ãnh v cho vay h p v n**

1. Qu u t phát tri n a ph ãng c làm u m i cho vay h p v n ho c cùng h p v n v i t ch c tín đ ãng và t ch c khác cho vay d án.

2. Vi c cho vay h p v n ph i l p thành h p ãng và ph i tuân theo quy ãnh t i các i u 11, 12, 13, 14, 15 và i u 16 Ngh ãnh này.

### **i u 18. Phân lo i n , trích l p Qu đ phòng x lý r i ro i v i ho t ãng cho vay u t**

Qu u t phát tri n a ph ãng th c hi n phân lo i n , trích đ phòng r i ro i v i ho t ãng cho vay u t ãnh các t ch c tín đ ãng.

### **i u 19. X lý r i ro**

R i ro x y ra cho các d án vay v n c a Qu u t phát tri n a ph ãng do nguyên nhân khách quan c x lý ãnh sau:

1. Tr ãng h p do chính sách Nhà n c thay i làm nh h ãng tr c t i p ãn ho t ãng c a d án mà đ ãn vi c ch u t g p khó kh n trong tr ãn vay thì ch u t c xem xét gia h ãn ã ; xoá, gi m lãi ti n vay; khoan h ãn ;

2. Tr ãng h p thiên tai, ho ão n, tai ãn n do nguyên nhân khách quan gây thi t h i tài s ãn mà ch u t không tr c ãn và c c quan nhà n c có th m quy ãn xác ãnh ãn, thì vi c x lý r i ro c th c hi n theo trình t ãnh sau:

a) S đ ãng các ngu n tài chính c a ch u t theo quy ãnh thu h ãn ;

b) Ti n b i th ãng c a c quan b o hi m (n u có);

c) Cần xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

### **Điều 20. Thẩm quyền xử lý nợ**

1. Công nợ nào quy định cho vay thì quy định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

2. Hội đồng quản lý quy định việc xoá nợ lãi.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc khoan nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ, sau khi quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

## **Mục 3**

### **GÓP VỐN THÀNH LẬP CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ**

#### **Điều 21. Hình thức góp vốn**

Quỹ phát triển nông nghiệp góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kinh tế - xã hội thu về các công trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của nông nghiệp và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

#### **Điều 22. Thẩm quyền quy định góp vốn**

1. Mức vốn góp và vốn đầu tư doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ phát triển nông nghiệp do Quỹ phát triển nông nghiệp quy định.

2. Mức vốn góp và vốn đầu tư doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ phát triển nông nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

## **Mục 4**

### **NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC**

#### **Điều 23. Nhận ủy thác**

1. Quỹ phát triển nông nghiệp nhận ủy thác: quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án ngân sách nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ phát triển nông nghiệp và tổ chức, cá nhân ủy thác.

2. Quỹ phát triển nông nghiệp nhận ủy thác quản lý hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ phát triển nhà do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

3. Quỹ phát triển nông nghiệp thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện và cho ngân sách nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ phát triển nông nghiệp chi ngân phí dịch vụ nhân sự khác. Mục phí chi thu nhập và ghi trong hồ sơ nhân sự khác.

#### **Điều 24. Dự thảo**

1. Quỹ phát triển nông nghiệp chi khác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi mất số lãi thu cuối kỳ vay vốn của Quỹ phát triển nông nghiệp thông qua hồ sơ dự thảo gửi Quỹ phát triển nông nghiệp Việt Nam nhân sự khác.

2. Các tổ chức nhân sự khác chi ngân phí dịch vụ khác. Mục phí chi thu nhập và ghi trong hồ sơ dự thảo.

### **Mục 5 GIỚI HẠN**

#### **Điều 25. Giới hạn**

1. Giới hạn tối đa vốn trích tiếp vào các dự án của Quỹ phát triển nông nghiệp tối đa bằng 50% vốn hoạt động của Quỹ phát triển nông nghiệp từ khi hình thành;

2. Giới hạn cho vay từ vốn mất lãi tối đa bằng 15% vốn hoạt động của Quỹ phát triển nông nghiệp từ khi hình thành.

3. Giới hạn vốn góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn hoạt động của Quỹ phát triển nông nghiệp từ khi hình thành.

### **Chương III VĂN HỒ TÀI CHÍNH A QUỸ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

#### **Điều 26. Văn bản**

1. Nguyên hình thành văn bản của Quỹ phát triển nông nghiệp bao gồm:

a) Văn bản nội bộ: các biểu thức trong dự toán chi ngân sách hoặc ngân sách thu ngân sách nông nghiệp hàng năm và các biểu thức Quỹ phát triển nông nghiệp theo quy định từ khi hình thành khoản 6 Điều 40 Nghị định này;

b) Tài liệu đóng góp tài nguyên, các khoản vay nợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật hình thành văn bản.

2. Việc thay đổi vốn của Quỹ phát triển nông do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và thông báo cho Bộ Tài chính; nhưng không có thẩm quyền quyết định khoản 2 điều 30 Nghị định này.

### **Điều 27. Về huy động**

Quỹ phát triển nông nghiệp huy động các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

1. Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật vay nước ngoài;
2. Phát hành trái phiếu Quỹ phát triển nông nghiệp theo quy định của pháp luật;
3. Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 28. Giới hạn huy động vốn**

Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại điều 27 Nghị định này tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ phát triển nông nghiệp cùng thời điểm.

### **Điều 29. Về nhân sự thác**

Vấn đề nhân sự thác theo quy định tại điều 23 Nghị định này không thuộc thẩm quyền của Quỹ phát triển nông nghiệp.

## **Chương IV TỔ CHỨC CẠM QUỸ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

### **Điều 30. Điều kiện thành lập Quỹ phát triển nông nghiệp**

1. Có án thành lập Quỹ phát triển nông nghiệp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.
2. Số vốn đầu tư khởi đầu thành lập là 100 (một trăm) tỷ đồng.
3. Ban hành của Quỹ phát triển nông nghiệp phải có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của Quỹ phát triển nông nghiệp.
4. Giám đốc và các Phó giám đốc Quỹ phát triển nông nghiệp phải có bằng cấp chuyên môn trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng;



ng thi, phi có t i thi u 3 n m kinh nghi m v qu n lý ho c i u hành m t trong các l nh v c kinh t , tài chính, ngân hàng ho c u t .

5. Tr ng Ban ki m soát Qu u t phát tri n a ph ng phi có b ng i h c thu c m t trong các ngành tài chính, k toán, ngân hàng; ng thi phi có t i thi u 3 n m kinh nghi m v qu n lý ho c i u hành m t trong các l nh v c tài chính, k toán, ngân hàng.

### **Đ i u 31. Trình t thành l p Qu u t phát tri n a ph ng**

1. y ban nhân dân c p t nh xây đ ng án thành l p Qu u t phát tri n a ph ng trình H i ng nhân dân c p t nh thông qua. án thành l p Qu u t phát tri n a ph ng bao g m:

a) T trình c a y ban nhân dân c p t nh v s c n thi t thành l p Qu u t phát tri n a ph ng; quy mô, ph m vi ho t ng; c c u t ch c c a Qu u t phát tri n a ph ng;

b) Ph ng án c p v n i u l cho Qu u t phát tri n a ph ng c a y ban nhân dân c p t nh;

c) D th o i u l t ch c và ho t ng c a Qu u t phát tri n a ph ng phù h p v i h ng đ n t i i u l m u v t ch c và ho t ng c a Qu u t phát tri n a ph ng do B Tài chính ban hành;

d) D ki n ph ng án ho t ng trong 02 (hai) n m u kèm theo danh m c các đ án đ ki n u t t i thi i i m xét duy t;

đ) Thuy t minh v c c u t ch c, b máy ho t ng c a Qu u t phát tri n a ph ng áp ng c các yêu c u quy nh t i các kho n 3, 4 và 5 i u 30 Ngh nh này.

2. y ban Nhân dân c p t nh quy t nh thành l p, phê duy t i u l t ch c và ho t ng c a Qu u t phát tri n a ph ng.

3. Trong vòng 30 ngày, k t ngày ra quy t nh thành l p, y ban nhân dân c p t nh phi báo cáo B Tài chính bi t và công b r ng rãi v i c thành l p Qu u t phát tri n a ph ng trên các ph ng ti n thông tin i chúng a ph ng và Trung ng.

### **Đ i u 32. Nguyên t c ho t ng c a Qu u t phát tri n a ph ng**

1. Qu u t phát tri n a ph ng ho t ng theo nguyên t c t ch v tài chính, b o toàn và phát tri n v n, t bù p chi phí và t ch u r i ro. Ngân sách nhà n c không c p kinh phí cho ho t ng c a b máy c a Qu u t phát tri n a ph ng.

2. Quy định phát triển áp dụng chu trách nhiệm hộ hộ trong phạm vi ngân sách của mình.

### **Điều 33. Trách nhiệm của Quy định phát triển áp dụng**

1. Thể hiện nội dung trong phạm vi kế hoạch và các quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trong tổng thể, phù hợp với chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

2. Sử dụng ngân sách đúng mục đích.

3. Thể hiện đúng chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Chịu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo luật định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

6. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan liên quan đến quy định phát triển áp dụng.

### **Điều 34. Quy định của Quy định phát triển áp dụng**

1. Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quy định phát triển áp dụng theo quy định của Nghị định này.

2. Các loại chi phí các dự án có hiệu quả phù hợp với kế hoạch và các quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung. Trường hợp cần thiết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

3. Các tuyến chức năng, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

4. Các tổ chức khuyến khích cá nhân hay tổ chức nào vì việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quy định phát triển áp dụng, khuyến khích ưu đãi trái với quy định của pháp luật và trái với nội dung và hoạt động của Quy định phát triển áp dụng.

5. Các liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn tìm kiếm, xây dựng các dự án nội dung.

6. Các cơ quan và tổ chức khác, kinh doanh nước ngoài, các cán bộ và nhân viên của Quốc tế phát triển nông nghiệp nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 35. Bộ máy quản lý và tổ chức hành chính của Quốc tế phát triển nông nghiệp**

1. Quốc tế phát triển nông nghiệp tổ chức theo mô hình hoạt động tập thể.

2. Tổ chức bộ máy của Quốc tế phát triển nông nghiệp bao gồm: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và bộ máy tổ chức hành chính.

### **Điều 36. Thành phần Hội đồng quản lý**

1. Hội đồng quản lý có tối đa 7 người. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận cử đại diện kinh tế thực tiễn và một thành viên của Hội đồng quản lý theo nguyên tắc số lượng thành viên Hội đồng quản lý phải là số lẻ.

2. Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Thành phần, chức vụ, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định chi tiết trong luật tổ chức và hoạt động của Quốc tế phát triển nông nghiệp.

### **Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý**

1. Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch xuất, nhập khẩu tài chính dài hạn và hàng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán của Quốc tế phát triển nông nghiệp.

2. Giám sát, kiểm tra bộ máy tổ chức hành chính của Quốc tế phát triển nông nghiệp trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quy định của Hội đồng quản lý.

3. Xem xét, thông qua khung lãi suất cho vay xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

4. Xem xét, quyết định xuất nhập khẩu các dự án thu hút vốn đầu tư.

5. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sử dụng, bổ sung nguồn lực tài chính và hoạt động của Quốc tế phát triển nông nghiệp cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quốc tế theo quy định của pháp luật.

7. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát quản lý phát triển nông nghiệp; quy định các thành viên khác của Ban Kiểm soát theo nghị quyết của Trưởng Ban Kiểm soát.

8. Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ và vị trí các thành viên của Hội đồng quản lý.

9. Ban hành quy chế hoạt động nghị quyết của Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp trên cơ sở nghị quyết của Giám đốc Ủy ban.

10. Các quy định khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp.

### **Điều 38. Ban kiểm soát Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp**

1. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách chế độ và nghị quyết hoạt động của Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp;

b) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo kết quả công tác giám sát, kiểm tra trực tiếp Hội đồng quản lý. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc trong trường hợp không có Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận thì nghị quyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triệu tập phiên họp bất thường báo cáo những vấn đề cần phải làm rõ những hạn chế của Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp;

c) Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm tra và quy toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý những không tham gia biểu quyết.

2. Ban Kiểm soát có tối đa 5 thành viên, thành phần và các quy định khác theo quy định của Hội đồng quản lý.

### **Điều 39. Bộ máy điều hành của Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp**

1. Bộ máy điều hành của Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp gồm Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó Giám đốc) và các Phòng, Ban nghị quyết.

2. Giám đốc Ủy ban là Ủy viên của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, là người đại diện pháp nhân của Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý và trực tiếp pháp luật về toàn bộ hoạt động nghị quyết của Ủy ban Quản lý phát triển nông nghiệp.

3. Phó Giám đốc và kế toán trưởng do Giám đốc Quản lý kinh doanh quy định xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

4. Việc tổ chức các Phòng, Ban Nghiên cứu của Quỹ phát triển nông nghiệp do Hội đồng quy định theo chức năng của Quỹ phát triển nông nghiệp, phù hợp với hướng dẫn từ Bộ luật kế toán và hoạt động của Quỹ phát triển nông nghiệp.

5. Giám đốc Quỹ phát triển nông nghiệp có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ phát triển nông nghiệp theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển nông nghiệp, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Hội đồng quy định;

b) Trình Hội đồng quy định ban hành Quy chế hoạt động nghiên cứu của Quỹ phát triển nông nghiệp;

c) Chịu trách nhiệm về các quy định của mình trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quy định; ký các văn bản thu cấp miễn phí điều hành của Giám đốc Quỹ;

d) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình hoạt động của Quỹ phát triển nông nghiệp với Hội đồng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài chính;

đ) Trách nhiệm quản lý tài sản, văn hóa, vệ sinh và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển văn hóa, tài sản của Quỹ phát triển nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và việc các chức danh trưởng phòng, ban nghiên cứu và tài trợ nông nghiệp;

g) Các quy định khác theo quy định từ Bộ luật kế toán và hoạt động của Quỹ phát triển nông nghiệp.

## **Chương V** **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN**

### **Điều 40. Chế độ tài chính**

1. Năm tài chính của Quỹ phát triển nông nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Khoản trích dự phòng rủi ro và chi phí hoạt động cho vay ưu đãi hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ phát triển nông nghiệp.

3. Quỹ phát triển a ph ng th c hi n ch t i n l ng, t i n th ng, phúc l i theo quy nh áp d ng cho doanh nghi p nhà n c.

4. Quỹ phát triển a ph ng th c hi n y ngh a v v i ngân sách Nhà n c theo quy nh c a pháp lu t.

5. K t qu ho t ng c a Quỹ phát triển a ph ng là kho n chênh l ch gi a t ng các kho n ph i thu và t ng các kho n ph i tr h p lý, h p l . Tr ng h p t ng doanh thu l n h n t ng s chi phí, ph n chênh l ch này c phân ph i theo trình t sau:

a) Bù p các kho n l lu k n th i i m quy t toán;

b) Tr các kho n t i n ph t do vi ph m pháp lu t thu c trách nhi m c a Quỹ phát triển a ph ng theo quy nh c a pháp lu t;

c) Trích 10% vào qu d phòng tài chính; khi s d qu b ng 25% v n i u l c a Quỹ phát triển a ph ng thì không trích n a;

d) Ph n chênh l ch sau khi ã tr các kho n quy nh t i M c a, b, và c kho n 5 i u này c trích theo th t sau:

- Trích qu u t phát tri n t i thi u 30%;

- Trích t i a 5% l p qu th ng Ban qu n lý i u hành Qu u t phát tri n a ph ng. M c trích t i a không quá 500 tri u ng;

- Trích qu khen th ng và qu phúc l i t i a không quá 03 tháng l ng th c hi n. M c trích c th do H i ng qu n lý Qu u t phát tri n a ph ng quy t nh;

- Ph n chênh l ch còn l i c b sung vào qu u t phát tri n.

6. M c ích s d ng các qu

a) Qu d phòng tài chính c dùng bù p nh ng t n th t, thi t h i v tài s n, công n không òi c x y ra trong ho t ng;

b) Qu u t phát tri n c dùng b sung v n i u l ;

c) Qu khen th ng c dùng th ng nh k ho c t xu t cho cán b , nhân viên trên c s n ng su t lao ng và thành tích công tác;

d) Qu phúc l i c dùng chi cho các ho t ng, công trình phúc l i công c ng c a cán b , nhân viên; phúc l i xã h i;

) Ủy ban Quản lý và Ban Giám đốc Ủy ban Phát triển và Phát hành  
Quản lý và Ban Giám đốc Ủy ban Phát triển và Phát hành

#### **Điều 41. Chế độ kế toán, kiểm toán**

1. Ủy ban Phát triển và Phát hành phải thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Báo cáo tài chính của Ủy ban Phát triển và Phát hành phải kiểm toán độc lập kiểm toán.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán, chế độ quản lý tài chính, chế độ báo cáo về Ủy ban Phát triển và Phát hành.

### **Chương VI I U KHO N THI HÀNH**

#### **Điều 42. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

#### **Điều 43. Sửa đổi, bổ sung các Ủy ban Phát triển và Phát hành ang họ t ng thí i m**

1. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Ủy ban Phát triển và Phát hành ang họ t ng thí i m phải thực hiện đăng ký liên hệ và hoạt động và thực hiện các hoạt động theo quy định của Nghị định này.

2. Từ nay trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Ủy ban Phát triển và Phát hành có vốn đầu tư có đến 100 (một trăm) tỷ đồng phải bổ sung vốn theo quy định của khoản 2 Điều 30 Nghị định này. Sau thời hạn này, Ủy ban Phát triển và Phát hành có vốn đầu tư có từ 100 (một trăm) tỷ đồng phải thực hiện mở rộng hoạt động.

3. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các Ủy ban Phát triển và Phát hành thực hiện chuyển đổi hoạt động theo mô hình độc lập theo quy định của Nghị định này. Căn cứ vào tính chất hoạt động, Ủy ban có thể thành lập bộ máy Ủy ban hành động theo quy định của Điều 39 của Nghị định hoặc ủy thác cho các tổ chức khác thực hiện một số hoạt động nghiệp vụ như: thẩm định dự án, giám sát, thu nhập, quản lý vốn đầu tư.

#### **Điều 44. Hướng dẫn thực hiện**

Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điểm 45. Tổ chức thi**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**TH ỨNG**  
**Nguyễn Tấn Dũng**